

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BT
THÀNH PHỐ CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2025

V/v tranh chấp: *Ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BT, THÀNH PHỐ CT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Kim Toan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Nhân

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân quận BT, CT

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BT, thành phố CT tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trương Nhật Quang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận BT, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134 ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Kim X**, sinh năm 1982.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Quốc T**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số 110/7, khu vực BC, phường LH, quận BT, thành phố CT

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Kim X trình bày:* Qua thời gian tìm hiểu, bà với ông Lê Quốc T tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LH, quận BT, thành phố CT vào ngày 01/4/2003. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là Lê Thị Kim T (nữ), sinh ngày 18/3/2004 và cháu Lê Quốc H(nam), sinh ngày 15/6/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên về sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau lẫn nhau, cả hai đều có cuộc sống riêng. Nhận thấy, hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quốc T;

Về con chung: Có 02 con tên Lê Thị Kim T, sinh ngày 18/3/2004, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Bà X yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu Lê Quốc H (nam), sinh ngày 15/6/2011, không yêu cầu ông Lê Quốc T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Quốc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng, giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định và đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Kim X vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Lê Quốc T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật. Xác định đúng và đầy đủ tư cách của người tham gia tố tụng. Bị đơn ông Lê Quốc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Giữa nguyên đơn bà Nguyễn Kim X với bị đơn ông Lê Quốc T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự xét thấy giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không có khả năng hòa giải đoàn tụ thành. Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn cho thấy đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Thị Kim T, sinh ngày 18/3/2004, đã trưởng thành, không đặt ra vấn đề giải quyết. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu Lê Quốc H (nam), sinh ngày 15/6/2011 đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu ông Lê Quốc T cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có yêu cầu nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên đề nghị chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Kim X và bị đơn ông Lê Quốc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LH, quận BT, thành phố CT vào ngày 01/4/2003. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên bà Nguyễn Kim X có đơn khởi kiện xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Quốc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[2] Bà Nguyễn Kim X và ông Lê Quốc T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần ông bà cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án đã mở phiên hòa giải nhưng ông Lê Quốc T vắng mặt và cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến điều này thể hiện ông Lê Quốc T không mong muốn đoàn tụ gia đình với bà Nguyễn Kim X. Tiến hành xác minh tại nơi cư trú ghi nhận ông Lê Quốc T có đăng ký thường trú tại địa phương. Tại phiên tòa, ông Lê Quốc T vắng mặt. Bà Nguyễn Kim X vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Xét về hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện của các bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, cả hai không còn sự quan tâm, quý trọng, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau nên không có khả năng hòa giải đoàn tụ điều này cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Xoàn là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà X và ông T có với nhau 02 người con chung. Khi ly hôn, bà X có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Lê Quốc H, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với Lê Thị Kim T đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Kim X vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện, ghi nhận ý kiến của cháu H theo bản tự khai đề ngày 16/4/2025, có nguyện vọng ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn nên giao con chung Lê Quốc H (nam), sinh ngày 15/6/2011 cho bà X chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông T không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà X phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim X. Bà Nguyễn Kim X được ly hôn với ông Lê Quốc T.
2. Về con chung:

- Con chung tên Lê Thị Kim T, sinh ngày 18/3/2004 đã trưởng thành, không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Giao con chung tên Lê Quốc H, sinh ngày 15/6/2011 cho bà Nguyễn Kim X trực tiếp nuôi dưỡng. Bà X không yêu cầu ông T không cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với ông T, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Kim X phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số 0000112 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận BT, thành phố CT thành án phí. Bà X đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố CT xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. BT;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- Chi cục THADS QBT;
- UBND P. LH QBT
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Kim Toàn